

Số: 146/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học của Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 969/QĐ-KĐCL ngày 14/11/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XX ngày 04/12/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là **42** tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm **84%**, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ và Khoa Y cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số: 146/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67%	Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	3	Tiêu chí 7.3	5						
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4	3,67	2	66,67%	Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100%
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4	4,00	3	100%	Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4	3,60	3	60%	Tiêu chí 9.2	4	4,40	5	100%
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	3				Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4	3,71	5	71,43%	Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4	Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	3	3,71	5	71,43%	Tiêu chí 10.6	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3	Tiêu chí 11.4	4						
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		42			84%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 146/NQ-HĐKĐCL ngày 6 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học (CTĐT) của Trường Đại học Nam Cần Thơ đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng cơ bản phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Bản mô tả CTĐT có các thông tin cốt lõi; đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng theo biểu mẫu thống nhất. Các khối kiến thức trong CTĐT được thiết kế có sự gắn kết, liên mạch, được phân bổ khá hợp lý. Các hoạt động dạy và học được thiết kế cơ bản chuyển tải được mục tiêu và triết lý giáo dục của Nhà trường, có sự kết hợp giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành thực tập. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định và được thực hiện khá nghiêm túc; quy trình phúc tra phúc khảo dễ tiếp cận. Đội ngũ giảng viên được tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ; năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được xác định, giám sát và đánh giá. Công tác tuyển sinh được chú trọng, các hình thức truyền thông khá đa dạng; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Cảnh quan môi trường xanh, sạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động; các điều kiện an ninh, an toàn được đảm bảo. Cơ sở vật chất được đầu tư; phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thư viện đáp ứng yêu cầu phục vụ CTĐT. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT được cải tiến; quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được rà soát, đánh giá; hệ thống khảo sát, cơ chế phản hồi các liên quan được triển khai để hỗ trợ cải tiến chất lượng các hoạt động. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng CTĐT được xác lập, giám sát để cải tiến; tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Y cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế trên cơ sở phân tích, đối sánh và sử dụng kết quả dự báo nhu cầu thị trường lao động, chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước, thị trường lao động trong nước, trong khối ASEAN và quốc tế; bám sát yêu cầu trong Bậc 6 Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT; xây dựng các chuẩn đầu ra mức độ tư duy bậc cao hơn và đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được; đa dạng các hình thức công bố, phổ biến chuẩn đầu ra đến các bên liên quan.

2. Rà soát lại các quy định về quy trình, hướng dẫn, rà soát điều chỉnh CTĐT và đề cương học phần, ban hành một văn bản thống nhất, giúp thuận lợi cho thực hiện và quản lý; mô tả cụ thể về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá làm cơ sở cho triển khai, thực hiện các học

phần; đa dạng hơn các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đảm bảo các bên liên quan đều quan tâm và tiếp cận được đầy đủ, thuận lợi.

3. Có hướng dẫn cụ thể về quy trình rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế chương trình dạy học dựa theo chuẩn đầu ra đồng thời tăng cường năng lực về kỹ thuật thiết kế cho các cán bộ, giảng viên; tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, nghiên cứu kỹ ý kiến của các bên liên quan, các tiến bộ khoa học kỹ thuật của chuyên ngành đào tạo để cập nhật nội dung phù hợp với sự phát triển chuyên môn của ngành và tăng tính hội nhập quốc tế; rà soát ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra của CTĐT với các học phần, giữa chuẩn đầu ra học phần với các nội dung dạy học để xác định chính xác hơn sự đóng góp vào đạt chuẩn đầu ra.

4. Xây dựng đầy đủ hướng dẫn chi tiết về lựa chọn tổ hợp các phương pháp dạy học theo chuẩn đầu ra làm cơ sở cho lựa chọn các phương pháp dạy học hiệu quả; khuyến khích giảng viên tăng cường cải tiến, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực (dạy học dựa trên tình huống, dựa trên vấn đề, seminar, viết tiểu luận...) nhằm tăng tính chủ động, tích cực và sáng tạo, năng lực nghiên cứu của sinh viên; chú trọng đến các hoạt động rèn luyện truyền thông giao tiếp, kỹ năng mềm; có hướng dẫn phương pháp học tập đại học, tự học, tự định hướng cho người học.

5. Có hướng dẫn về nguyên tắc lựa chọn, thiết kế các phương pháp đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; có biện pháp phù hợp để các bộ môn và giảng viên phụ trách học phần xây dựng cấu trúc đề thi theo đúng quy định, đảm bảo đánh giá được chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần; xây dựng cấu trúc đề thi và tiêu chí chấm điểm/rubrics cụ thể cho các bài thi đánh giá kỹ năng, thái độ; xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá đề thi, đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của sinh viên làm cơ sở cải tiến chất lượng đề thi; có quy định và thực hiện công bố điểm quá trình sớm hơn để hỗ trợ người học điều chỉnh hoạt động học tập hiệu quả.

6. Nghiên cứu tích hợp các quy định về năng lực của giảng viên trong một văn bản để có tính khoa học, tính kế hoạch nhằm tăng tính chủ động thiết lập mức phân đầu và kế hoạch thực hiện cho giảng viên và thuận tiện cho công tác quản lý; tăng cường hơn nữa việc thu hút các chuyên gia đầu ngành, cân đối quy mô đào tạo với tỷ lệ giảng viên; thành lập các nhóm nghiên cứu, đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, chú trọng bồi dưỡng giảng viên để tăng số lượng có học hàm, học vị; tăng cường các bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giảng viên về xây dựng chuẩn đầu ra và phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo mô hình giáo dục hướng tới chuẩn đầu ra, quản trị đại học tiên tiến, đặc biệt là năng lực nghiên cứu khoa học để gia tăng số lượng và chất lượng.

7. Chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm theo hướng tiếp cận năng lực, làm cơ sở chuyên nghiệp hóa công tác quản trị nhân sự, bao gồm kế hoạch tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, chính sách tuyển dụng và thu hút, chính sách đào tạo, bồi dưỡng; quan tâm hơn đến các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng năng lực của vị trí việc làm; khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên; lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí đánh giá nhân viên và rà soát cập nhật tương ứng với định hướng phát triển của Trường.

8. Tăng cường sự chủ động của lãnh đạo và giảng viên trong công tác tư vấn tuyển sinh trực tiếp; xây dựng và ban hành Sổ tay Cố vấn học tập và ban hành quy định chính thức về công tác này; văn bản hóa quy trình theo dõi, tìm hiểu nguyên nhân, hỗ trợ sinh viên bỏ học; kết nối

với nhiều doanh nghiệp, bệnh viện lớn đa dạng để tăng cường giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế, thực hành cho giảng viên và sinh viên trong các buổi tọa đàm/hội thảo về việc làm, tư vấn chuyên sâu về ngành nghề; có không gian cho hoạt động sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển đổi số để thúc đẩy việc trao đổi các ý tưởng về nghiên cứu khoa học, các dự án phục vụ cộng đồng, thực tế, sinh hoạt các câu lạc bộ/cuộc thi học thuật, tiếng Anh giao tiếp và chuyên ngành.

9. Tăng cường công tác biên soạn giáo trình để bổ sung nguồn học liệu nội sinh tại thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại cho công tác số hóa phục vụ tra cứu trực tuyến; đẩy mạnh số hóa nguồn học liệu nội sinh và kết nối cơ sở dữ liệu với các thư viện khác; nâng cấp cơ sở dữ liệu điện tử thư viện; xây dựng hệ thống phần mềm tích hợp đáp ứng hiệu quả bền vững quản trị đại học tiên tiến; thường xuyên/định kỳ tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn (an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo hiểm nghề nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ ...) để có phương án điều chỉnh, nâng cao chất lượng môi trường trong Nhà trường

10. Có quy trình cụ thể để phân tích, đối sánh, chọn lựa và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan trong quá trình phát triển CTĐT; rà soát, cải tiến quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá để đảm bảo sự tương thích, phù hợp với chuẩn đầu ra; có giải pháp, chính sách hiệu quả khuyến khích, tạo điều kiện cho giảng viên thực hiện các nghiên cứu theo hướng tạo ra các sản phẩm ứng dụng vào cải tiến hoạt động dạy và học; rà soát, đánh giá và cải tiến tăng cường tính hệ thống cho cơ chế phản hồi của các bên liên quan; xây dựng và triển khai các giải pháp tăng mức độ hài lòng của các bên liên quan; phân tích đầy đủ các khuyến nghị của các đợt kiểm định chất lượng trước, lên kế hoạch và triển khai thực hiện cải tiến triệt để và hiệu quả các mặt hoạt động của Trường.

11. Phân tích kỹ nguyên nhân và có các giải pháp hiệu quả để hạn chế số sinh viên chậm tốt nghiệp, khuyến khích sinh viên học trước, học vượt để sớm hoàn thành CTĐT; có cơ chế, chính sách để khuyến khích và thúc đẩy sinh viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP; cải tiến tăng chất lượng và độ tin cậy của các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan; thực hiện đối sánh kết quả để cải tiến chất lượng của CTĐT.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Y cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
